

NHÃN VỈ TARGETAN

Kích thước:

(VỈ 10 VIÊN)

Dài: 77 mm

Cao: 45 mm

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 9 / 9 / 15

TARGETAN

Ibuprofen 200 mg

CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GLOMED

TARGETAN

Ibuprofen 200 mg

CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GLOMED

TARGETAN

Ibuprofen 200 mg

GLOMED PHARMACEUTICAL Co., Inc.

TARGETAN

Ibuprofen 200 mg

GLOMED PHARMACEUTICAL Co., Inc.

TARGETAN

Ibuprofen 200 mg

CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GLOMED

TARGETAN

Ibuprofen 200 mg

CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GLOMED

HD:

Số lô SX:

Ngày 18 tháng 02 năm 2014
P. Tổng Giám Đốc



Trang Văn Ty

NHÃN HỘP TARGETAN

Kích thước:

(HỘP 10 VIÊN)

Dài: 85 mm

Rộng: 14 mm

Cao: 48 mm



Ngày 18 tháng 02 năm 2014

P. Tổng Giám Đốc



NHÃN HỘP TARGETAN

Kích thước:

(HỘP 20 VIÊN)

Dài: 85 mm

Rộng: 20 mm

Cao: 48 mm



Ngày 18 tháng 02 năm 2014

P. Tổng Giám Đốc



Trang Văn Tý

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

TARGETAN

Ibuprofen
Viên nén bao phim

1. Thành phần

Hoạt chất: Ibuprofen 200 mg

Tá dược: Pregelatinized starch, povidon K30, silic dioxyd thể keo, tinh bột ngô, acid stearic, HPMC 6cps, PEG 400, talc, titan dioxyd, tween 60, ponceau 4R.

2. Dược lực học và dược động học

Dược lực học

Ibuprofen là thuốc kháng viêm không steroid, dẫn xuất từ acid propionic. Ibuprofen có tác dụng kháng viêm, giảm đau và hạ sốt. Tính kháng viêm của ibuprofen có thể yếu hơn so với một vài thuốc kháng viêm không steroid khác. Tác dụng giảm đau của thuốc phụ thuộc vào tác dụng kháng viêm và có tác dụng trên cả trung ương và ngoại vi. Đây là một thuốc ức chế enzym cyclooxygenase mạnh do đó ngăn chặn sự tổng hợp prostaglandin. Ngoài ra thuốc còn ngăn cản hình thành thromboxan A2 bởi sự kết tập tiểu cầu.

Dược động học

Ibuprofen hấp thu tốt ở ống tiêu hóa. Nồng độ tối đa của thuốc trong huyết tương đạt được sau khi uống từ 1 đến 2 giờ. Khoảng 90 đến 99% thuốc gắn với protein huyết tương. Nửa đời thải trừ của thuốc khoảng 2 giờ. Ibuprofen đào thải rất nhanh qua nước tiểu, khoảng 1% dưới dạng không đổi, 14% dưới dạng liên hợp.

3. Chỉ định

Giảm đau nhức nhẹ do cảm cúm, cảm lạnh thông thường, đau đầu, đau nửa đầu, đau sau phẫu thuật, đau răng, đau bụng kinh, đau lưng, đau cơ, viêm cơ xương, đau nhức nhẹ do viêm khớp, và hạ sốt tạm thời.

Giảm các cơn đau do viêm khớp dạng thấp, viêm xương khớp mạn tính.

4. Liều dùng và cách dùng

Nên uống thuốc ngay sau bữa ăn.

Người lớn:

Đau nhẹ và sốt: 1 - 2 viên/ lần, các lần uống cách nhau từ 4 - 6 giờ. Không uống quá 6 viên/ ngày.

Đau bụng kinh: 2 viên/ lần, 3 - 4 lần/ngày.

Viêm khớp dạng thấp, viêm xương khớp: 2 - 4 viên/lần, không uống quá 12 viên/ ngày.

Trẻ em trên 12 tuổi:

Đau nhẹ và sốt: 20 mg/kg cân nặng mỗi ngày, chia làm nhiều liều nhỏ.

Tối đa 40 mg/kg cân nặng mỗi ngày trong điều trị viêm khớp dạng thấp thiếu niên.

5. Chống chỉ định

Quá mẫn với các thành phần của thuốc.

Polyp mũi, tiền sử phù mạch và co thắt phế quản khi dùng aspirin hay NSAIDs khác, suy gan, suy thận, loét dạ dày-tá tràng tiến triển, chảy máu dạ dày ruột, trẻ sơ sinh, 3 tháng cuối của thai kỳ.

Người bệnh đang dùng thuốc chống đông coumarin.

6. Lưu ý và thận trọng

Không nên dùng chung với bất kỳ thuốc khác có chứa ibuprofen.

Tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng trong các trường hợp sau: Hen, co thắt phế quản, bệnh tim mạch, tiền sử hay đang bị loét dạ dày - tá tràng, chảy máu dạ dày - ruột, rối loạn chảy máu, thiếu hụt các yếu tố đông máu nội sinh, suy gan hay suy thận, xơ gan, trẻ em dưới 12 tuổi, người già.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai: Hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng. Đặc biệt, không được dùng ibuprofen trong 3 tháng cuối của thai kỳ trừ khi có chỉ định của bác sĩ vì thuốc có thể gây nguy hại cho trẻ chưa được sinh ra hoặc gây biến chứng trong lúc sinh.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú: Ibuprofen bài tiết vào sữa mẹ không đáng kể. Ít khả năng xảy ra nguy cơ cho trẻ khi người mẹ dùng liều bình thường.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng điều khiển tàu xe và vận hành máy móc: Thuốc này có thể làm bạn chóng mặt hay buồn ngủ. Không lái xe, sử dụng máy móc hay làm bất cứ hoạt động nào đòi hỏi sự chú ý cho đến khi nào bạn chắc chắn rằng bạn có thể thực hiện các hoạt động như thế một cách an toàn.

7. Tác dụng không mong muốn

Thường xảy ra rối loạn hay chảy máu tiêu hóa, loét dạ dày-tá tràng, khó tiêu, khó chịu hay đau bụng, đau thượng vị, ợ nóng, buồn nôn.

Những triệu chứng khác như đau đầu, chóng mặt, hồi hộp, suy nhược, mất ngủ, ù tai, mắt mờ, phát ban da, ngứa, phù.

Ngưng sử dụng và hỏi kiến bác sĩ nếu: Xuất hiện các dấu hiệu mới bất thường, triệu chứng đau không cải thiện trong vòng 10 ngày hay sốt không cải thiện trong vòng 3 ngày, đau nửa đầu không giảm hay trở nên trầm trọng hơn sau khi uống liều đầu.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

8. Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác

Ibuprofen làm tăng tác dụng phụ của nhóm quinolon lên hệ thần kinh trung ương và có thể dẫn đến co giật.

Ibuprofen làm tăng tác dụng phụ của các thuốc kháng viêm không steroid khác.



Sử dụng đồng thời ibuprofen với các corticosteroid làm tăng nguy cơ chảy máu và loét dạ dày.

Ibuprofen làm tăng nồng độ lithi, digoxin, methotrexat và các glycosid tim trong huyết tương, do đó làm tăng độc tính của những thuốc này.

Ibuprofen làm tăng tác dụng của thuốc chống đông dùng đường uống.

Nguy cơ độc tính trên thận tăng khi dùng đồng thời ibuprofen với các thuốc ức chế men chuyển angiotensin, ciclosporin, tacrolimus, furosemid hay các thuốc lợi tiểu khác.

Globin cơ niệu kích phát và suy thận tăng khi dùng đồng thời ibuprofen với ciprofibrat.

Ibuprofen có thể làm giảm tác dụng bảo vệ tim của aspirin.

Độc tính của baclofen có thể tăng khi mới bắt đầu dùng ibuprofen.

9. Quá liều và xử trí

Triệu chứng: Các triệu chứng quá liều ibuprofen có thể gồm buồn ngủ, đau đầu, đau bụng, khó thở, buồn nôn, nôn, loạn nhịp tim, suy thận, tụt huyết áp, hôn mê.

Xử trí:

- Chủ yếu điều trị triệu chứng và hỗ trợ. Không có thuốc giải độc đặc hiệu đối với quá liều ibuprofen.
- Làm dễ dàng đào thải thuốc bằng cách rửa dạ dày, gây nôn, gây lợi tiểu và cho uống than hoạt.
- Nếu nặng, thẩm tách máu hoặc truyền máu.

10. Dạng bào chế và đóng gói

Hộp 1 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén bao phim.

11. Điều kiện bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, dưới 30°C, tránh ánh sáng mặt trời.

12. Tiêu chuẩn chất lượng: BP 2013.

13. Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TÀM TAY CỦA TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ

Sản xuất bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GLOMED**

Địa chỉ: Số 35 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam – Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

ĐT: 0650.3768822, Fax: 0650.3769095



TUQ CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thu Thủy



Ngày 24 tháng 04 năm 2015
P. Tổng giám đốc

Trang Văn Ty

